

Số: 85 /BC-STP

Khánh Hoà, ngày 08 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả rà soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà năm 2017

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017, Sở Tư pháp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện công tác rà soát thủ tục hành chính (TTHC) năm 2017 như sau:

I. Tình hình triển khai thực hiện công tác rà soát thủ tục hành chính năm 2017.

Công tác rà soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh thời gian qua, được tổ chức thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh. Để thực hiện tốt công tác rà soát TTHC trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017 trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 06/01/2017), qua đó xác định và phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, địa phương thực hiện rà soát các nhóm thủ tục nhằm kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ những quy định về thủ tục hành chính (TTHC) không cần thiết, không phù hợp, không đảm bảo nguyên tắc về quy định và thực hiện TTHC; kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, đề nghị công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cho kịp thời.

Trên cơ sở đó, các đơn vị đã tích cực trong việc triển khai thực hiện kế hoạch rà soát. Một số đơn vị đã chủ động ban hành chương trình cụ thể trong việc thực hiện công tác rà soát theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. Kết quả rà soát thủ tục hành chính

1. Nhóm TTHC lĩnh vực giao thông vận tải

Qua rà soát (Công văn số 1403/SGTVT-VP ngày 10/7/2017) Sở Giao thông Vận tải nhận thấy một số bất cập và có văn bản gửi Bộ Giao thông Vận tải (Công văn số 220/SGTVT-QLVTPT&NL) về việc kiến nghị tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trong quản lý hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

- Đối với kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định

Khi vận chuyển hàng hóa trên xe (ký gửi hoặc của hành khách đi theo xe), đề nghị Bộ Giao thông Vận tải xem xét cần có quy định chặt chẽ hơn đối với việc tiếp nhận hàng hóa ký gửi theo xe ô tô tuyến cố định theo hướng: phải có giấy phép của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với hàng hóa ký gửi thuộc lĩnh vực ngành bưu chính quản lý); đơn vị vận tải phải thực hiện việc xuất hóa đơn cước phí vận chuyển cho người gửi theo đúng quy định về sử dụng hóa đơn chứng từ thu cước vận tải; khi vận chuyển trên xe lái xe phải mang theo vận đơn (giấy vận tải có ghi đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 22 của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014).

- Đối với mô hình hợp tác xã

Để bảo đảm thực hiện đúng đối tượng áp dụng của Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; bảo đảm cạnh tranh lành mạnh và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ (thuế) với nhà nước trong hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ, đề nghị Bộ Giao thông Vận tải nghiên cứu, chỉnh sửa Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 đối với chủ thể kinh doanh vận tải là HTX theo hướng: đối với HTX là chủ thể kinh doanh vận tải thì cần quy định rõ hơn việc góp vốn bằng phương tiện vận tải vào HTX để kinh doanh vận tải (xác định giá trị tài sản, quyền quản lý hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ nhà nước và trách nhiệm của chủ thể kinh doanh về bảo đảm thực hiện các điều kiện kinh doanh mà Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ của Chính phủ đã quy định; đối với HTX không phải là chủ thể trực tiếp kinh doanh thì không xác định là đối tượng kinh doanh vận tải mà xác định là tổ chức liên quan đến kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (HTX dịch vụ hỗ trợ). Vì vậy cần bổ sung thêm quy định loại hình dịch vụ này vào Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 và những dịch vụ HTX loại hình này được làm. Trong đó, HTX loại hình này nên tập trung thực hiện một số một số dịch vụ thuộc điều kiện kinh vận tải cho các doanh nghiệp siêu nhỏ (dưới 10 xe) và hộ kinh doanh để đảm bảo công bằng cho mọi chủ thể kinh doanh vận tải phải thực hiện đầy đủ các điều kiện kinh doanh mà Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định.

2. Nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng

Sở Xây dựng đã Công văn số 2745/SXD-VP ngày 28/7/2017 về báo cáo kết quả rà soát TTHC và không đề xuất, kiến nghị đơn giản hóa TTHC.

3. Nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong

Sở Tư pháp thống nhất với ý kiến của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong (Công văn số 554/KKT-VP ngày 01/6/2017 về đề nghị thay thế 02 thủ tục đã đăng ký đơn giản hóa theo Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017 bằng 02 thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền Ban Quản lý đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đầu tư) và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

Trên cơ sở đề nghị của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục TTHC (02 thủ tục trên) giảm thời gian giải quyết so với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong đã có báo cáo số 43/BC-KKT ngày 18/5/2017 về kết quả rà soát, đơn giản thủ tục hành chính và không đề xuất, kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính.

4. Nhóm TTHC lĩnh vực môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2075/STNMT-VP ngày 22/5/2017 về kết quả rà soát TTHC như sau:

- Nhóm TTHC lĩnh vực tài nguyên nước

Nội dung kiến nghị:

Điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức, cá nhân hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước có trách nhiệm “Thông báo đến Cục Quản lý tài nguyên nước và Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đặt trụ sở chính về việc đã được lựa chọn thực hiện đề án, dự án điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, tư vấn lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước chậm nhất là sau ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt, giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng thực hiện. Nội dung thông báo bao gồm tên, địa chỉ của cơ quan, đơn vị ký quyết định phê duyệt, giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng thực hiện dự án, đề án, báo cáo; tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện dự án, đề án, báo cáo; thông tin cơ bản về đề án, dự án, báo cáo (tên, mục tiêu, phạm vi, thời gian thực hiện) và kèm theo bản sao hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đề án, dự án, báo cáo. Việc thông báo được thực hiện bằng thư điện tử hoặc gửi bằng đường bưu điện”.

Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò, khai thác sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước có trách nhiệm “Tuân thủ các quy định điều kiện về năng lực khi thực hiện việc lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước quy định tại Thông tư này. Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc lập đề án, báo cáo thì phải lựa chọn tổ chức, cá nhân hành nghề có đủ điều kiện về năng lực theo quy định của Thông tư này; *Khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước phải nộp kèm theo bản sao hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện việc lập đề án, báo cáo đó*”.

Đồng thời Điều 11 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định “Tổ chức, cá nhân hành nghề khi thực hiện đề án, dự án điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước phải có hồ sơ chứng minh năng lực đáp ứng các quy định của Nghị định này”.

Như vậy, theo quy định thì khi đơn vị tư vấn kỹ thuật được hợp đồng lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước thì sau khi ký hợp đồng phải thông báo hồ sơ năng lực cho *Cục Quản lý tài nguyên nước và Sở Tài nguyên và Môi trường* (Điều 10 Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014), *đồng thời khi nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa cũng phải nộp bản sao hồ sơ năng lực đơn vị tư vấn* (Điều 11 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, Điều 10 Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014).

Việc quy định như trên dẫn đến đơn vị tư vấn phải hai lần thực hiện cung cấp thông tin bản sao hồ sơ năng lực cho cơ quan nhà nước, trong khi có thể chỉ cần 01 lần là đầy đủ thông tin. Mặt khác nếu cùng thời điểm đơn vị tư vấn thực hiện nhiều hồ sơ đề nghị cấp phép thì phải nộp nhiều lần bản sao hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn.

Kiến nghị phương án đơn giản hóa: đề nghị sửa đổi nội dung điểm b khoản 2 Điều 10 và điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo hướng đơn vị tư vấn chỉ cần gửi 01 bộ hồ sơ năng lực đến *Cục Quản lý tài nguyên nước và Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đặt trụ sở chính để cơ quan nhà nước đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình. Nếu đơn vị tư vấn có thay đổi, bổ sung thì có văn bản thông báo (kèm hồ sơ) gửi lại để điều chỉnh trên trang thông tin điện tử. Căn cứ vào nội dung đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý tài nguyên nước và Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định hồ sơ cấp phép, không cần đơn vị tư vấn phải nộp hồ sơ năng lực nhiều lần.*

- Thủ tục Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước dưới 30.000m³/ngày đêm (đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản) và dưới 3.000m³/ngày đêm (đối với hoạt động khác)

Nội dung kiến nghị: đề nghị gộp chung nội dung lập hồ sơ môi trường và hồ sơ cấp giấy phép xả thải vào cùng một thủ tục, hoặc nộp cùng một thời điểm.

Lý do: Điều 33 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định “Trường hợp chưa có công trình xả nước thải vào nguồn nước, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư”. Đồng thời nội dung báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước đánh giá việc xử lý nước thải, tiêu chuẩn nước thải, khả năng tiếp cận nguồn nước thải, việc quan trắc nước thải...các nội dung này cũng được đánh giá trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ; Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.

Nội dung kiến nghị: đề nghị bãi bỏ quy định về các thủ tục này trong Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường vì Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên môi trường đã quy định cụ thể điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.

Sở Tư pháp không thống nhất với ý kiến trên vì Sở Tài nguyên và Môi trường chưa rà soát làm rõ sự không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp của quy định này theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp.

5. Nhóm TTHC lĩnh vực ngoại vụ

Sở Ngoại vụ có báo cáo số 29/BC-SNgV ngày 07/6/2017 như sau:

Nội dung kiến nghị: để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, Sở Ngoại vụ kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương để thực hiện phương án ủy quyền đối với TTHC xin phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn tỉnh.

Sở Tư pháp đã có ý kiến về vấn đề trên tại Công văn số 1340/STP-XDVB ngày 15/8/2017 gửi Văn phòng UBND tỉnh.

6. Nhóm TTHC lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo có báo cáo số 1394/BC-SGDĐT ngày 13/7/2017 như sau:

- Thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông

Nội dung kiến nghị: đề nghị bỏ thành phần hồ sơ “giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp” trong hồ sơ thực hiện thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông.

Lý do: Gây mất thời gian đi lại cho đối tượng thực hiện thủ tục khi nộp hồ sơ thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông.

Kiến nghị thực thi: đề nghị bỏ điểm e khoản 1 Điều 5 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh khi đến nộp hồ sơ làm thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông.

Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 49.506.600 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 42.755.700 đồng/năm

+ Chi phí tiết kiệm: 6.750.900 đồng/năm

+ Tỷ lệ cắt giảm: 13.64%

7. Nhóm TTHC lĩnh vực công thương

Sở Công thương có báo cáo số 67/BC-SCT ngày 24/7/2017 về kết quả rà soát thủ tục hành chính như sau:

- Đề xuất giảm thời gian giải quyết đối với 09 thủ tục Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu; Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu; Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu; Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu; Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu; Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu; Cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu; Cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

Lý do: qua thực tế giải quyết hồ sơ đối với 09 thủ tục nói trên, thời gian quy định là 30 ngày (Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công thương), đã giảm lần 1 là 20 ngày (Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh). Tuy nhiên, trên thực tế quá trình thẩm định và cấp phép của Sở Công thương không cần đến 20 ngày, có thể rút ngắn thời gian để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Trên cơ sở bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước cũng như tạo thuận lợi cho công dân, tổ chức, Sở Tư pháp thống nhất với ý kiến của Sở Công thương.

- Đề xuất đơn giản hóa đối với thủ tục cấp bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép

Nội dung kiến nghị: đề nghị sửa đổi, quy định cung cấp “Bản sao có chứng thực” bằng “Bản sao không chứng thực” đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, cá nhân

Lý do: Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản, giảm chi phí cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính; đồng thời tiết kiệm cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

Kiến nghị thực thi: sửa đổi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Công thương và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, Sở Tư pháp thống nhất với ý kiến của Sở Công thương.

Đồng thời, Sở Tư pháp đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu các văn bản có liên quan để tham mưu UBND tỉnh hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo các đơn vị, địa phương khi thực hiện thủ tục hành chính có yêu cầu nộp bản sao (có chứng thực hoặc công chứng hoặc photo) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì đối tượng thực hiện TTHC không cần nộp. Người tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận trả kết quả có thể tìm hiểu, tra cứu thông tin về doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ dangkykinhdoanh.gov.vn để được tra cứu, cung cấp thông tin theo quy định.

8. Nhóm TTHC lĩnh vực y tế

Sở Y tế có Công văn số 1851/SYT-VP báo cáo kết quả rà soát TTHC như sau:

Đề xuất giảm thời gian giải quyết 23 TTHC lĩnh vực khám, chữa bệnh, giám định y khoa, an toàn thực phẩm.

Sở Tư pháp tổng hợp và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC giảm thời gian giải quyết so với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

9. Nhóm TTHC lĩnh vực dân tộc

Ban dân tộc có Công văn số 158/BDT ngày 26/7/2017 báo cáo kết quả rà soát TTHC và không có TTHC phải thực hiện đơn giản hóa.

10. Nhóm TTHC lĩnh vực khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ có Công văn số 786/SKH-CN-VP ngày 13/7/2017 về báo cáo kết quả rà soát TTHC như sau:

Nội dung kiến nghị: đề nghị bỏ một số giấy tờ, bản sao nộp kèm theo hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng thiết bị X-quang trong chẩn đoán y tế theo quy định tại mẫu 02-III/ATBXHN, Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010) như Sơ đồ mặt bằng tổng thể khu vực nơi lắp đặt, sử dụng thiết bị X-quang; Bản vẽ thiết kế xây dựng phòng đặt máy X-quang; Bản sao quyết định bổ nhiệm người phụ trách an toàn; Bản sao nội quy an toàn bức xạ; Bản sao quy trình vận hành, sử dụng thiết bị X-quang; Bản sao kế hoạch ứng phó sự cố.

Lý do: Trong hồ sơ đề nghị cấp phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (cấp mới lần đầu) đã nộp những loại văn bản, bản sao này. Do đó, sau 3 năm nếu không có sự thay đổi khác so với lần đề nghị cấp phép trước đó thì không cần nộp những loại giấy tờ, bản sao này để tránh gây lãng phí và phiền hà cho tổ chức, cá nhân.

Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung vào phần VII mẫu 02-III/ATBXHN ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ nội dung “Trường hợp không có sự thay đổi thì chỉ cần nộp kèm theo báo cáo tài liệu sau: Kết quả đọc liều cá nhân của nhân viên bức xạ trong thời gian thời hạn của giấy phép; Danh sách nhân viên bức xạ mới so với hồ sơ đề nghị cấp phép lần trước”.

11. Nhóm TTHC lĩnh vực văn hóa và thể thao

Sở Văn hóa và Thể thao có Công văn số 126/BC-SVHTT ngày 26/7/2017 về báo cáo kết quả rà soát TTHC như sau

- Thủ tục tiếp nhận thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn

+ Nội dung kiến nghị: đề nghị bỏ “bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo” khi tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức.

Lý do: Khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Văn hóa và Thể thao sẽ chủ động tra cứu thông tin đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ dangkykinhdoanh.gov.vn. Đối tượng nộp hồ sơ là công ty, doanh nghiệp khi nộp hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn không phải nộp thành phần hồ sơ này nữa.

Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ

liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, Sở Tư pháp thống nhất với ý kiến của Sở Văn hóa và Thể thao.

Đồng thời, Sở Tư pháp đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu các văn bản có liên quan để tham mưu UBND tỉnh hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo các đơn vị, địa phương khi thực hiện thủ tục hành chính có yêu cầu nộp bản sao (có chứng thực hoặc công chứng hoặc photo) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì đối tượng thực hiện TTHC không cần nộp. Người tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận trả kết quả có thể tìm hiểu, tra cứu thông tin về doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ dangkykinhdoanh.gov.vn để được tra cứu, cung cấp thông tin theo quy định.

+ Nội dung kiến nghị: Đối với các hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo có nội dung quảng cáo giống hồ sơ thông báo đã được tiếp nhận trước đó (trong năm), đề nghị bỏ thành phần hồ sơ “Văn bản chứng minh sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm hàng hóa hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện quảng cáo” theo khoản 3 Điều 29 Luật Quảng cáo năm 2012.

Lý do: Các hồ sơ có nội dung thông báo quảng cáo giống nhau thì thành phần hồ sơ này đã có trong hồ sơ tiếp nhận thông báo sản phẩm quảng cáo trước. Do đó, tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ chỉ cần cung cấp số văn bản tiếp nhận thông báo mà Sở Văn hóa và Thể thao đã tiếp nhận trước đó trong văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo, để làm căn cứ đối chiếu, rà soát.

Kiến nghị thực thi: đề nghị cơ quan Trung ương nghiên cứu, sửa đổi khoản 3 Điều 29 Luật Quảng cáo năm 2012 theo hướng “Đối với các hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo có nội dung quảng cáo giống hồ sơ thông báo đã được tiếp nhận trước đó (trong năm) thì đề nghị bỏ thành phần hồ sơ Văn bản chứng minh sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm hàng hóa hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện quảng cáo”.

- Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật

Nội dung kiến nghị: đề xuất giảm thời gian giải quyết từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

Lý do: hồ sơ thẩm định không phức tạp, số lượng hồ sơ phát sinh không nhiều nên vẫn đảm bảo về thời gian giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức sau khi cắt giảm thời gian.

Sở Tư pháp không thống nhất với ý kiến của Sở Văn hóa và Thể thao vì từ đầu năm đến nay thủ tục này chưa phát sinh hồ sơ nào nên chưa đủ cơ sở để giảm thời gian giải quyết.

- Sở Văn hóa và Thể thao đã có tờ trình báo cáo UBND tỉnh về đề xuất phân cấp, ủy quyền thủ tục cấp phép kinh doanh karaoke, tiếp nhận thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn

Về đề xuất phân cấp thủ tục cấp phép kinh doanh karaoke, Sở Tư pháp đã có ý kiến tại báo cáo số 56/BC-STP ngày 28/6/2017.

12. Nhóm TTHC lĩnh vực nội vụ

Sở Nội vụ có báo cáo số 1674/BC-SNV ngày 28/7/2017 về báo cáo kết quả rà soát TTHC như sau:

Nội dung kiến nghị: Gộp các thủ tục tặng cờ thi đua cấp tỉnh (khen thưởng theo công trạng-thường xuyên), tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, tặng bằng khen cấp tỉnh (khen thưởng theo công trạng-thường xuyên) thành một thủ tục khen thưởng theo công trạng thường xuyên hàng năm.

Lý do: Hàng năm các cơ quan, đơn vị xét khen thưởng, lập hồ sơ trình khen thưởng các danh hiệu trên chung trong 01 tờ trình (01 bộ hồ sơ) và Quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh cho các danh hiệu trên cho cơ quan, đơn vị cũng chỉ thể hiện trong 01 Quyết định.

Kiến nghị thực thi: thực hiện hồ sơ khen thưởng theo công trạng thường xuyên hàng năm.

Phân lợi ích của phương án đơn giản hóa chưa có bảng tính chi phí tuân thủ tục hành chính theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp nên chưa đủ cơ sở để tổng hợp.

Sở Tư pháp đề nghị Sở Nội vụ báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh để triển khai thực hiện vấn đề trên.

13. Nhóm TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có báo cáo số 1856/BC-SNN ngày 28/7/2017 về báo cáo kết quả rà soát TTHC như sau:

Nội dung kiến nghị: Xây dựng quy trình phối hợp giải quyết liên thông thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá, cấp giấy phép khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Lý do: tiết kiệm thời gian đi lại của công dân chỉ nộp hồ sơ 1 lần nhận kết quả của 04 thủ tục. Đối với cơ quan nhà nước thì tiết kiệm thời gian giải thích, hướng dẫn; lưu trữ hồ sơ dễ dàng, thực hiện kiểm tra 01 lần để thực hiện cho các công việc còn lại.

Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 66.900.000 đồng/năm
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 38.000.000 đồng/năm
- + Chi phí tiết kiệm: 28.900.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm: 43.2%

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Sở Nội vụ thẩm định dự thảo Quy chế trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

14. Nhóm TTHC lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có báo cáo số 153/BC-SLĐTBXH ngày 28/7/2017 về báo cáo kết quả rà soát TTHC như sau

Đề xuất giảm thời gian giải quyết 11 TTHC lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động; lao động tiền lương; bảo trợ xã hội.

Sở Tư pháp tổng hợp và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC giảm thời gian giải quyết so với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh về ủy quyền cho UBND cấp huyện ban hành Quyết định giải quyết chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí đối với đối tượng theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, đã giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày còn 15 ngày.

15. Nhóm TTHC lĩnh vực thanh tra

Thanh tra tỉnh có công văn số 358/TTT-VP ngày 28/7/2017 về báo cáo kết quả rà soát TTHC như sau:

Sau khi rà soát, đã xây dựng dự thảo các TTHC thuộc phạm vi tham mưu quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Đã có văn bản gửi cơ quan Trung ương về rà soát, góp ý để sửa đổi, bổ sung VBQPPL liên quan đến hoạt động thanh tra (Công văn số 338/TTT-VP ngày 20/7/2017; Báo cáo số 42/BC-TTT ngày 02/6/2017).

16. Nhóm TTHC lĩnh vực kế hoạch và đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư có báo cáo số 1778/SKHĐT-VP ngày 27/7/2017 về kết quả rà soát TTHC như sau:

- Đề xuất giảm thời gian giải quyết TTHC đối với thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư); Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư; Cấp Giấy chứng nhận đăng ký

đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư; Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Sở Tư pháp tổng hợp và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC giảm thời gian giải quyết so với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục cung cấp thông tin, bản sao báo cáo đánh giá tác động xã hội và văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ; quy định thời gian giải quyết đối với thủ tục thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ và thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ.

Sở Tư pháp tổng hợp vào dự thảo báo cáo của UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát thủ tục hành chính) xem xét, quyết định.

17. Nhóm TTHC lĩnh vực tư pháp

17.1 Nội dung đơn giản hóa

Về biểu mẫu Phiếu lý lịch tư pháp: Đề nghị sửa đổi quy định về hình thức biểu mẫu Phiếu lý lịch tư pháp. Theo đó, cho phép cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp (Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp) được tự in, sử dụng biểu mẫu Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2 dưới hình thức giấy A4 thông thường khi thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Lý do: Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 13/2011/BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp quy định: “*Bộ Tư pháp in và phát hành 02 loại giấy in màu có hoa văn để Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp (sau đây gọi là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp) in nội dung Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2 theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này*”. Theo đó, để thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải đăng ký mua biểu mẫu “*in màu có hoa văn*” do Bộ Tư pháp in và phát hành (thông qua Nhà xuất bản Tư pháp). Quá trình triển khai quy định trên đã cho thấy cần có sự sửa đổi về hình thức biểu mẫu. Cụ thể:

- Mặc dù hiện nay Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định về thời hạn sử dụng Phiếu Lý lịch tư pháp. Tuy nhiên, tùy theo tính chất, lĩnh vực quản lý mà “thời hạn sử dụng” của Phiếu lý lịch tư pháp được quy định khác nhau tại các văn bản pháp luật khác. Ví dụ: trong lĩnh vực quốc tịch, thời hạn sử

dụng của Phiếu lý lịch tư pháp là “được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ”; trong lĩnh vực nuôi con nuôi, thời hạn sử dụng của Phiếu lý lịch tư pháp là “được cấp chưa quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ” tại Ủy ban nhân dân cấp xã ... Như vậy, có thể thấy “thời hạn sử dụng” của Phiếu Lý lịch tư pháp không dài, thông thường chỉ khoảng 6 tháng, do đó, không cần thiết phải được cấp dưới hình thức biểu mẫu “in màu có hoa văn” như quy định hiện nay.

- Thực hiện quy định trên, các cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp đang phải bố trí khoản chi tương đối lớn dành cho việc mua biểu mẫu “in màu có hoa văn” với mức chi 2.200 đồng/tờ (mỗi hồ sơ cấp cho người yêu cầu 02 Phiếu, trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 02 Phiếu lý lịch tư pháp, thì kể từ phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp phiếu lý lịch tư pháp thu thêm 5.000đ/Phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp). Trong khi đó, “thời hạn sử dụng” của Phiếu lý lịch tư pháp chỉ trong khoảng 6 tháng, do đó, đề nghị sửa đổi hình thức biểu mẫu nhằm góp phần cải cách hành chính, giảm chi ngân sách, thực hiện mục tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

17.2 Kiến nghị thực thi: đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 4 Thông tư số 13/2011/BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp

17.3 Lợi ích phương án đơn giản hóa (nếu được áp dụng trên cả nước):

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu, có thể chủ động in và sử dụng biểu mẫu, đáp ứng sự kịp thời trong công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Giảm bớt chi phí, tạo điều kiện cho người dân khi yêu cầu giải quyết TTHC trong lĩnh vực lý lịch tư pháp. Thay vì thu thêm 5.000đ/Phiếu đối với trường hợp yêu cầu cấp thêm số Phiếu như hiện nay để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp, có thể giảm xuống 1.000đ/Phiếu hoặc miễn phí đối với các phiếu được cấp thêm.

- Giảm chi ngân sách nhà nước, thực hiện mục tiêu tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 56.519.316.000 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 55.574.316.000 đồng/năm

+ Chi phí tiết kiệm: 945.000.000 đồng/năm

+ Tỷ lệ cắt giảm: 1.67%

18. Nhóm TTHC lĩnh vực tài chính

Sở Tài chính có Công văn số 2425/STC-VP ngày 29/6/2017 về rà soát danh mục TTHC và không đề xuất phương án đơn giản hóa.

19. Nhóm TTHC lĩnh vực thông tin và truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông có Công văn số 1106/STTTT-VP ngày 28/6/2017 về kết quả rà soát TTHC như sau:

- Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh

Hiện tại, Sở đã đưa nội dung không thu bản sao có chứng thực một trong các loại giấy tờ như quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với các tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép từ lần thứ 2 trở đi vào quy trình ISO 9001:2000.

- Thủ tục cấp giấy phép chế bản in, gia công sau in cho nước ngoài

Đề nghị giảm thời gian giải quyết từ 5 ngày còn 4 ngày.

Sở Tư pháp tổng hợp và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC giảm thời gian giải quyết so với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

20. Nhóm TTHC lĩnh vực du lịch

Sở Du lịch có báo cáo số 736/BC-SDL ngày 28/7/2017 về kết quả rà soát TTHC như sau:

Sở Du lịch đang phối hợp với các sở, ngành và địa phương xây dựng phân cấp cho UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực du lịch, trong đó phân cấp 07 TTHC lĩnh vực lưu trú, 01 TTHC lĩnh vực lữ hành.

21. TTHC cấp huyện

21.1 UBND huyện Diên Khánh có báo cáo số 147/BC-UBND ngày 06/7/2017 về kết quả rà soát TTHC như sau:

- Thủ tục đăng ký khai tử

Nội dung kiến nghị: đề nghị bãi bỏ giấy báo tử trong hồ sơ đăng ký khai tử đối với trường hợp đăng ký khai tử cho công dân Việt Nam chết tại gia đình là nơi cư trú cuối cùng của người chết.

Lý do: việc bãi bỏ này không làm ảnh hưởng đến giá trị của giấy chứng tử vì trong trường hợp này theo quy định của pháp luật hai loại giấy tờ trên đều do cùng một UBND cấp xã cấp. Mặt khác việc khai tử thường do thân thích của người chết đi đăng ký khai tử nên các thông tin đăng ký khai tử về cơ bản bảo đảm chính xác.

Kiến nghị thực thi: đề nghị chỉnh sửa Điều 4, Điều 20 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ theo hướng bãi bỏ giấy báo tử trong hồ sơ đăng ký khai tử đối với trường hợp đăng ký khai tử cho công dân Việt Nam chết tại gia đình là nơi cư trú cuối cùng của người chết.

- Thủ tục đăng ký khai tử, đăng ký khai sinh

Nội dung kiến nghị: đề nghị bãi bỏ giấy ủy quyền trong trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền đi đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người ủy quyền.

Kiến nghị thực thi: đề nghị sửa đổi nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp, bỏ nội dung giấy ủy quyền trong trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền đi đăng ký khai sinh có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người được ủy quyền.

Vấn đề này, Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ-Cục Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016.

- Thủ tục thông báo chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành (Quyết định số 2426/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Nội dung kiến nghị: đề nghị bãi bỏ thủ tục này vì không quy định thời hạn giải quyết, không có kết quả giải quyết nên không cần nộp qua bộ phận một cửa của huyện làm mất thời gian, công sức đi lại của tổ chức, cá nhân. Thủ tục này chỉ cần tổ chức, cá nhân gửi Thông báo đến Phòng Nội vụ huyện để biết và quản lý nhà nước về tôn giáo.

Điều 22 Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ quy định Tổ chức tôn giáo khi chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi đi chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chuyển. Văn bản thông báo nêu rõ họ tên, phẩm trật, chức vụ tôn giáo của người được chuyển, lý do chuyển, nơi hoạt động tôn giáo trước khi chuyển, nơi chuyển đến.

Sở Tư pháp đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu, báo cáo UBND tỉnh về vấn đề này.

21.2 UBND thành phố Nha Trang có báo cáo số 5199/UBND-TP ngày 09/8/2017 về kết quả rà soát TTHC như sau:

- Thủ tục chuyên trường đối với học sinh tiểu học (Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 17/8/2016)

Nội dung kiến nghị: đề nghị bỏ thủ tục này vì tất cả quy trình chỉ thực hiện tại trường tiểu học nơi học sinh đi và trường tiểu học nơi học sinh đến.

Theo Quyết định số 3669/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt danh mục TTHC được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì thủ tục chuyên trường đối với học sinh tiểu học thuộc danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện mặc dù cơ quan thực hiện là cơ sở giáo dục.

- Thủ tục cấp giấy phép xây dựng

Nội dung kiến nghị: đề nghị giảm thời gian giải quyết từ 09 ngày còn 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đề nghị UBND thành phố Nha Trang làm rõ một số nội dung như tổng số thủ tục cấp phép xây dựng đã tiếp nhận, tỷ lệ hồ sơ giải quyết sớm hẹn/đúng hẹn/trễ hẹn tại đơn vị. Trên cơ sở đó, Sở Tư pháp chuyển đề nghị trên cho Sở Xây dựng nghiên cứu, báo cáo UBND tỉnh.

21.3 UBND huyện Cam Lâm có báo cáo số 84/BC-UBND ngày 31/5/2017 về kết quả rà soát TTHC như sau:

- Thủ tục lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Nội dung kiến nghị: đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục mầm non từ 45 ngày còn 40 ngày; công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu từ 40 ngày còn 35 ngày.

Đề nghị UBND huyện Cam Lâm làm rõ một số nội dung như tổng số thủ tục 02 thủ tục đã tiếp nhận, tỷ lệ hồ sơ giải quyết sớm hẹn/đúng hẹn/trễ hẹn tại đơn vị. Trên cơ sở đó, Sở Tư pháp chuyển đề nghị trên cho Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, báo cáo UBND tỉnh.

- Thủ tục lĩnh vực nội vụ

Nội dung kiến nghị: đề nghị cần thiết kế mẫu báo cáo thành tích cụ thể cho việc báo cáo thành tích của các thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa đối với thủ tục tặng danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa; cần thiết kế mẫu báo cáo thành tích cho các cá nhân đề nghị tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở; bãi bỏ việc báo cáo thành tích của cá nhân về việc tặng danh hiệu lao động tiên tiến.

UBND huyện Cam Lâm chưa làm rõ văn bản quy phạm pháp luật quy định các TTHC nêu trên về sự không cần thiết, không hợp lý và không hợp pháp (biểu mẫu 02/RS-KSTT) tại điểm nào nên Sở Tư pháp chưa có cơ sở tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp.

- Thủ tục ghi chú ly hôn

Nội dung kiến nghị: đề nghị điều chỉnh mẫu tờ khai ghi chú ly hôn cho trùng với nội dung trong sổ hộ tịch và phần mềm hộ tịch vì có nhiều nội dung về thông tin cá nhân của người vợ hoặc chồng yêu cầu ghi chú ly hôn trong khi đó tờ khai lại không thể hiện đầy đủ nội dung.

Sở Tư pháp thống nhất với ý kiến của UBND huyện Cam Lâm và tổng hợp dự thảo UBND tỉnh báo cáo Cục Kiểm soát thủ tục hành chính-Văn phòng Chính phủ.

- Thủ tục lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

Nội dung kiến nghị:

+ Đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại, đề nghị cập nhật văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để công bố TTHC theo quy định.

Sở Tư pháp đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để tham mưu công bố TTHC theo quy định.

+ Đối với thủ tục quản lý tàu cá dưới 20 CV đã được phân cấp về UBND huyện theo Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 11/5/2010. Tuy nhiên, thủ tục này vẫn còn điều chỉnh theo Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của UBND tỉnh.

Sở Tư pháp đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp).

- Thủ tục lĩnh vực công thương

Đề nghị cập nhật văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để tham mưu công bố TTHC theo quy định.

Sở Tư pháp đã đôn đốc Sở Công thương dự thảo Quyết định công bố TTHC áp dụng tại cấp huyện, xã (Công văn số 858/STP-KSTTHC ngày 02/6/2017). Đồng thời, Sở Tư pháp cũng có Công văn số 1147/STP-KSTTHC ngày 19/7/2017 về góp ý dự thảo Quyết định công bố 14 TTHC ngành công thương cấp huyện, xã.

Sở Công thương đã trình UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính lĩnh vực công thương áp dụng tại huyện, xã.

21.4 UBND thị xã Ninh Hòa có Công văn số 1247/UBND ngày 05/5/2017 về kết quả rà soát TTHC như sau

Nội dung kiến nghị: đề nghị bỏ đơn xác nhận hoàn cảnh kinh tế gia đình của người nhận con nuôi mà nghiên cứu chuyển thành nhiệm vụ của cơ quan nhà nước trong việc xác nhận hoàn cảnh kinh tế gia đình của người nhận con nuôi.

UBND thị xã Ninh Hòa chưa làm rõ văn bản quy phạm pháp luật quy định thành phần hồ sơ thủ tục nêu trên về sự không cần thiết, không hợp lý và không hợp pháp (biểu mẫu 02/RS-KSTT) tại điểm nào nên Sở Tư pháp chưa có cơ sở tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp.

21.5 UBND huyện Vạn Ninh có Công văn số 1410/UBND-TP ngày 06/7/2017 về kết quả rà soát TTHC như sau:

- Thủ tục đăng ký lại khai sinh và thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính có yếu tố nước ngoài (cấp huyện)

Nội dung kiến nghị: đề nghị kết hợp thực hiện cùng lúc cả 02 thủ tục đăng ký lại khai sinh và thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính có yếu tố nước ngoài

Việc thực hiện nộp hồ sơ thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc đồng thời với hồ sơ thủ tục đăng ký lại khai sinh không phải lúc nào cũng có thể thực hiện vì phụ thuộc vào nhu cầu/sự kiện pháp lý của công dân. Đồng thời việc người tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn công dân nộp cùng lúc 02 thủ tục này khi có nhu cầu thì không cần thiết phải ban hành Quy chế phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông.

- Thủ tục cấp giấy xác nhận kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm (cấp huyện)

Nội dung đơn giản hóa: đề nghị bỏ bước lập kế hoạch kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân thay bằng việc hẹn tổ chức, cá nhân đến Phòng Y tế qua phiếu hẹn của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả vừa giảm được thành phần hồ sơ và thời gian thực hiện lập kế hoạch kiểm tra.

Sở Tư pháp thống nhất với đề nghị của UBND huyện Vạn Ninh. Đề nghị Sở Y tế rà soát, nghiên cứu đề xuất trên, tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện.

- Thủ tục đăng ký khai tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch; đăng ký kết hôn và cấp bản sao trích lục hộ tịch (cấp xã)

Nội dung đơn giản hóa: đề nghị trong quá trình đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn thì đề nghị kết hợp trích bản sao hộ tịch cùng một lúc, bằng cách ghi thêm nội dung yêu cầu cấp bản sao trích lục trong tờ khai đăng ký khai tử, kết hôn.

Kiến nghị thực thi

Đề nghị bổ sung vào mẫu tờ khai đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử ban hành kèm theo Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp nội dung “yêu cầu cấp bản sao trích lục”.

Như vậy, sẽ giảm bớt rất nhiều thời gian cho phía cơ quan nhà nước lẫn công dân, nội dung khai thêm hết sức đơn giản, công dân không phải khai thêm tờ khai khác như ban đầu.

Về vấn đề này, Sở Tư pháp đã tổng hợp, dự thảo báo cáo UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ-Cục Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016.

21.6 UBND huyện Khánh Vĩnh có báo cáo số 164/BC-UBND ngày 05/7/2017 về kết quả rà soát TTHC như sau:

Nội dung kiến nghị:

Đề nghị bỏ quy định tại Điều 2 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp “trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền vẫn phải có văn bản ủy quyền; đồng thời phải có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người ủy quyền”.

Lý do: thực tế cho thấy việc thực hiện yêu cầu đăng ký hộ tịch cho cá nhân kể cả do cha, mẹ, anh, chị, em ruột thực hiện, cũng không phù hợp nguyện vọng, không bảo đảm quyền lợi của cá nhân được đăng ký hộ tịch; giấy tờ chứng minh mối quan hệ gia đình không chứng tỏ được việc thực hiện đăng ký hộ tịch theo đúng ý chí, nguyện vọng của người được đăng ký hộ tịch.

Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp, bỏ nội dung giấy ủy quyền trong trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người được ủy quyền.

Về vấn đề này, Sở Tư pháp đã tổng hợp, dự thảo báo cáo UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ-Cục Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016.

21.7 UBND thành phố Cam Ranh có báo cáo số 184/BC-UBND ngày 27/7/2017 về kết quả rà soát TTHC như sau:

Nội dung đơn giản hóa thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con: đề nghị bỏ việc cung cấp thư từ, phim ảnh, băng, đĩa, đồ dùng, vật dụng khác để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con

Lý do: Không có cơ sở để cho công chức tư pháp-hộ tịch xác minh mối quan hệ cha, mẹ, con dựa trên thư từ, phim ảnh, băng, đĩa, đồ dùng, vật dụng khác. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí cho người dân, trong trường hợp không có văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định thì chỉ cần văn bản cam đoan của cha, mẹ về việc trẻ em là con chung, có ít nhất 2 người thân thích của cha, mẹ làm chứng.

Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi nội dung quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp như sau: trường hợp không có văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định thì phải có văn bản cam đoan của cha, mẹ về việc trẻ em là con chung, có ít nhất hai người thân thích của cha, mẹ làm chứng.

Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.771.980 đồng/năm
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.391.320 đồng/năm
- + Chi phí tiết kiệm: 7.380.660 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm: 68.52%

21.8 UBND huyện Khánh Sơn báo cáo số 144/BC-UBND ngày 28/8/2017 về kết quả rà soát TTHC như sau:

- Thủ tục tặng danh hiệu lao động tiên tiến

Nội dung đơn giản hóa: đề nghị bãi bỏ việc báo cáo thành tích của cá nhân về tặng danh hiệu lao động tiên tiến.

UBND huyện Khánh Sơn chưa làm rõ văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC nêu trên về sự không cần thiết, không hợp lý và không hợp pháp (biểu mẫu 02/RS-KSTT) tại điểm nào nên Sở Tư pháp chưa có cơ sở tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp.

- Thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi; bổ sung hộ tịch

Theo quy định tại Điều 27 Luật Hộ tịch năm 2015 và khoản 1 Điều 12 Luật Cư trú thì cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung, xác định lại dân tộc cho mình mà không phụ thuộc vào nơi đăng ký trước đây tạo

thuận lợi cho người dân nhưng những người không có hộ khẩu thường trú sẽ thường xuyên biến động, gây khó khăn cho công tác quản lý hộ tịch. Vì vậy, đề nghị sửa đổi: UBND cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi thường trú của cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú trong nước.

Theo Quyết định số 2173/QĐ-BTP ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt Đề án “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc” và tinh thần đơn giản hóa TTHC theo Nghị Quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Chính phủ thì vấn đề trên không cần thiết phải sửa đổi.

- Nội dung đơn giản hóa thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch

Đề nghị sửa đổi nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp theo hướng bỏ nội dung giấy ủy quyền trong trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người được ủy quyền.

Về vấn đề này, Sở Tư pháp đã tổng hợp, dự thảo báo cáo UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ-Cục Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016.

- Lĩnh vực kinh tế hạ tầng

Nội dung kiến nghị: đề nghị cập nhật văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để tham mưu công bố TTHC theo quy định.

Sở Tư pháp đã đơn đốc Sở Công thương dự thảo Quyết định công bố TTHC áp dụng tại cấp huyện, xã (Công văn số 858/STP-KSTTHC ngày 02/6/2017). Đồng thời, Sở Tư pháp cũng có Công văn số 1147/STP-KSTTHC ngày 19/7/2017 về góp ý dự thảo Quyết định công bố 14 TTHC ngành công thương cấp huyện, xã.

Sở Công thương đã trình UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính lĩnh vực công thương áp dụng tại huyện, xã.

22. Một số ý kiến chung

- Một số đơn vị có đề xuất phương án đơn giản hoá gửi cơ quan Trung ương gồm: Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND thành phố Cam Ranh, UBND huyện Vạn Ninh, UBND huyện Diên Khánh.

- Một số đơn vị có đề xuất phương án đơn giản hóa triển khai thực hiện tại địa phương: Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Sở Công thương, Sở Y tế.



- Một số đơn vị có đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC gửi cơ quan Trung ương nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp (không có bảng tính chi phí tuân thủ TTHC) như: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa và Thể thao.

- Đề nghị Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương thực hiện một số công việc theo báo cáo tổng hợp trên.

Trên đây là báo cáo của Sở Tư pháp về kết quả rà soát thủ tục hành chính năm 2017 trên địa bàn tỉnh, kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. *ll*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (VBĐT);
- Sở, ban, ngành (VBĐT);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (VBĐT);
- Giám đốc Sở (bc);
- Lưu: VT, KSTTHC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Văn Khánh

Phụ lục IV**BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 03/SCM-KSTT)***(Ban hành kèm theo Thông tư số 07 /2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp)***TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CHUYỂN TRƯỜNG ĐỐI VỚI HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG****I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI**

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Giấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi học sinh cư trú		3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900	
1.2	Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp		3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900	
1.3	Đơn xin chuyển trường do cha mẹ hoặc người giám hộ ký		3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900	
1.4	Bằng tốt nghiệp cấp học dưới (bản công chứng)		3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900	
1.5	Hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận tạm trú dài hạn hoặc Quyết định điều động công tác của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ tại nơi sẽ chuyển đến		3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900	
1.6	Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp đầu cấp THPT quy định cụ thể loại hình trường được tuyển (công lập hoặc ngoài công lập)		3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900	

1.7	Học bạ (bản chính)		0.0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900
		Bưu điện							0	0
		Internet							0	0
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								0	0
3.1	Phí		0.0			0	0	130	0	0
3.2	Lệ phí		0.0						0	0
3.3	Chi phí khác		0.0						0	0
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)									
4.1		Hoạt động 1	0.0	0			0		0	0
4.2		Hoạt động 2	0.0				0		0	0
5	Công việc khác (nếu có)		0.0				0		0	0
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	17.310			1	130	17.310	2.250.300
		Bưu điện	0.0				1	0	0	0
		Internet	0.0				1	0	0	0
		Khác	0.0				1	0	0	0
	TỔNG								380.820	49.506.600

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

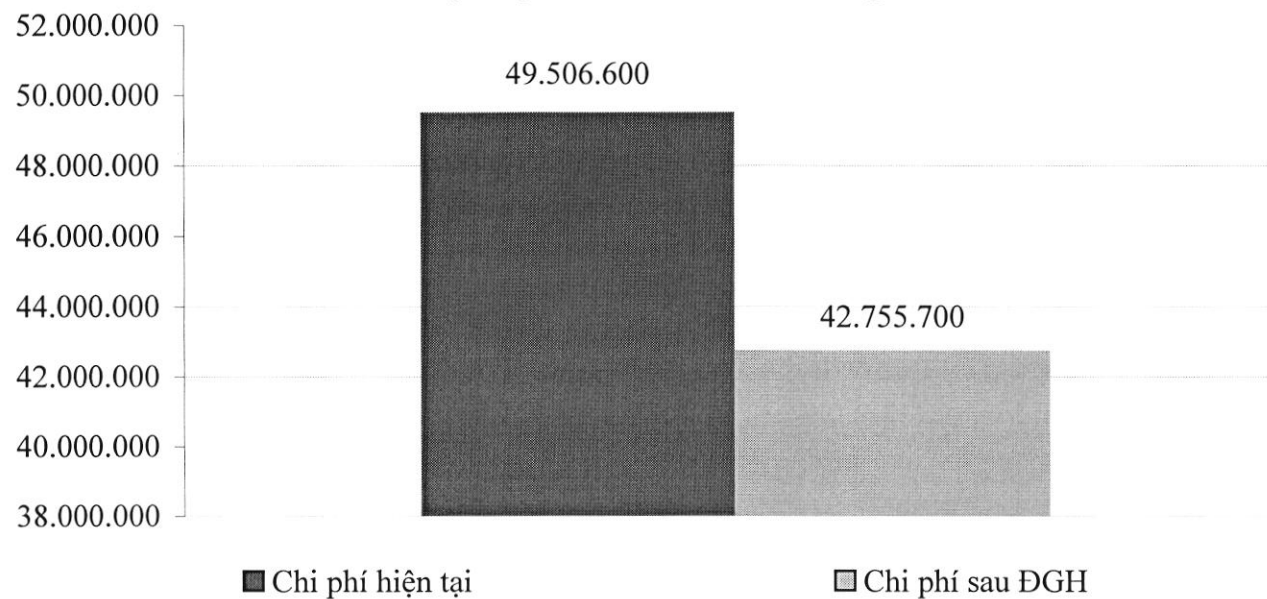
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										

1.1	Giấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi học sinh cư trú		3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900	
1.2	Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp		0.0	0			1	130	0	0	
1.3	Đơn xin chuyển trường do cha mẹ hoặc người giám hộ ký		3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900	
1.4	Bằng tốt nghiệp cấp học dưới (bản công chứng)		3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900	
1.5	Hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận tạm trú dài hạn hoặc Quyết định điều động công tác của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ tại nơi sẽ chuyển đến		3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900	
1.6	Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp đầu cấp THPT quy định cụ thể loại hình trường được tuyển (công		3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900	
1.7	Học bạ (bản chính)		0.0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	3.0	17.310			1	130	51.930	6.750.900	
		Bưu điện	0.0		0		1	0	0	0	
		Internet	0.0				1	0	0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác						1	10	0	0	
3.1	Phí		0.0			0	0	130	0	0	
3.2	Lệ phí		0.0				0	0	0	0	
3.3	Chi phí khác						0	0	0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan										
		Hoạt động 1	0.0				1		0	0	
		Hoạt động 2	0.0				1		0	0	
5	Công việc khác (nếu có)		0.0				1		0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	17.310			1	130	17.310	2.250.300	
		Bưu điện	0.0				1	10	0	0	
		Internet	0.0				1	10	0	0	
		Khác	0.0				1	10	0	0	

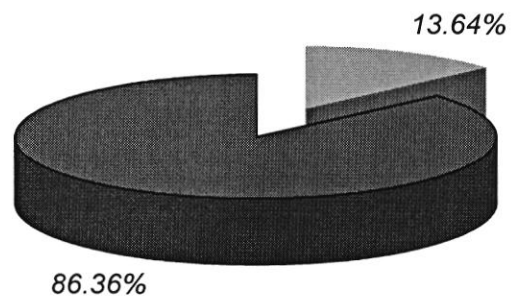
	TỔNG			0	0		328.890	42.755.700	
--	-------------	--	--	----------	----------	--	----------------	-------------------	--

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đậm) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu nhạt) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Phụ lục

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 03/SCM-KSTT)

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

- GDP bình quân đầu người của Việt Nam trong năm 2016 là: **48.600.000 đồng** (nguồn: Tổng cục Thống kê).

Như vậy mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc sẽ là: $48.600.000 / (12 \times 22 \times 8) = 23.011$ đồng.

- Bình quân số lượng đăng ký Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá trong năm là: **100 trường hợp/năm** (bao gồm đăng kí mới và cải hoán)

- Thời gian đi lại để thực hiện một công việc được tính trung bình là 01 giờ/01 lượt.

- Thời gian làm đơn, tờ khai theo mẫu được tính trung bình là 01 giờ/01 trang.

A. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
I	THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ										
1	Chuẩn bị hồ sơ									2.301.100	
	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá		1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác					0			0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)									0	
5	Công việc khác (nếu có)									0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
	TỔNG									6.903.300	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
II	THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ										
1	Chuẩn bị hồ sơ									13.705.500	
1.1	Tờ khai đăng ký tàu cá		1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
1.2	Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu		1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
1.3	Biên lai nộp thuế trước bạ		1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
1.4	Ảnh tàu cỡ 9 x 12		1.0	23.011	20.000		1	100	43.011	4.301.100	
1.5	Bản sao Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá		1.0	23.011	2.000		1	100	25.011	2.501.100	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác					40.000	1	100	40.000	4.000.000	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								0	0	
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
	TỔNG									22.307.700	
III	THỦ TỤC CẤP DANH BẠ THUYỀN VIÊN										
1	Chuẩn bị hồ sơ									5.602.200	
1.1	Tờ khai đăng ký Danh sách thuyền viên tàu cá kèm theo danh sách thuyền viên tàu cá		1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.2	Bản sao Chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với các chức danh quy định trên tàu cá hoặc Chứng minh thư nhân dân		1.0	23.011	10.000		1	100	33.011	3.301.100	Đình quân 05 thuyền
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác					40.000	1	100	40.000	4.000.000	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền									0	
5	Công việc khác (nếu có)									0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
	TỔNG									14.204.400	
IV	THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC										
1	Chuẩn bị hồ sơ									14.905.500	
1.1	Đơn xin cấp phép khai thác thủy sản		1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
1.2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá		1.0	23.011	2.000		1	100	25.011	2.501.100	
1.3	Bản sao Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá		1.0	23.011	2.000		1	100	25.011	2.501.100	
1.4	Bản sao Văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, đối với loại tàu cá		1.0	23.011	10.000		1	100	33.011	3.301.100	
1.5	Bản sao Sổ Danh bạ thuyền viên		1.0	23.011	20.000		1	100	43.011	4.301.100	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác					40.000	1	100	40.000	4.000.000	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								0	0	
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
TỔNG										23.507.700	
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)										66.923.100	

B. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ									21.408.800	
1.1	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá		1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
1.2	Tờ khai đăng ký tàu cá		1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
1.3	Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu		1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
1.4	Biên lai nộp thuế trước bạ		1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
1.5	Ảnh tàu cỡ 9 x 12		1.0	23.011	20.000		1	100	43.011	4.301.100	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.6	Tờ khai đăng ký Danh sách thuyền viên tàu cá kèm theo danh sách thuyền viên tàu cá		1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
1.7	Chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với các chức danh quy định trên tàu cá hoặc Chứng minh thư nhân dân		1.0	23.011	10.000		1	100	33.011	3.301.100	
1.8	Đơn xin cấp phép khai thác thủy sản		1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác					120.000	1	100	120.000	12.000.000	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								0	0	
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23.011			1	100	23.011	2.301.100	
	TỔNG									38.011.000	

C. SO SÁNH CHI PHÍ TRƯỚC VÀ SAU THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC

STT	Nội dung	Chi phí/năm (đồng)
1	Chi phí thực hiện TTHC hiện tại	66.923.100
2	Chi phí thực hiện sau khi đơn giản hóa	38.011.000
3	Chi phí tiết kiệm: (1)-(2)	28.912.100
4	Tỷ lệ cắt giảm: (3)/(1)%	43.2%

Phụ lục IV

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 03/SCM-KSTT)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07 /2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Biểu mẫu 03/SCM-KSTT

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: LÝ LỊCH TƯ PHÁP

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI: NĂM 2016, 3000 LLTP TỪ PHIẾU THỨ 3 TRỞ LÊN, 3.000 x 63 = 189.000

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)
1	Chuẩn bị hồ sơ									
1.1	Tờ khai cấp phiếu LLTP		1.0	23.011	205.000		1	189.000	228.011	43.094.079.000
1.2	Bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ: CMND, HK		1.0	23.011	2.000		1	189.000	25.011	4.727.079.000
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23.011			1	189.000	23.011	4.349.079.000
		Bưu điện	0.0				1		0	0
		Internet	0.0				1		0	0
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác						1		0	0
3.1	Phí		0.0	0	0		1	0	0	0
3.2	Lệ phí		0.0	0			1		0	0
3.3	Chi phí khác						1		0	0
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)									

		Hoạt động 1	0.0	0			0		0	0	
		Hoạt động 2	0.0				0		0	0	
5	Công việc khác (nếu có)		0.0				0		0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23.011			1	189.000	23.011	4.349.079.000	
		Bru điện	0.0				1		0	0	
		Internet	0.0				1		0	0	
		Khác	0.0				1		0	0	
		TỔNG					0	207.000		299.044	56.519.316.000

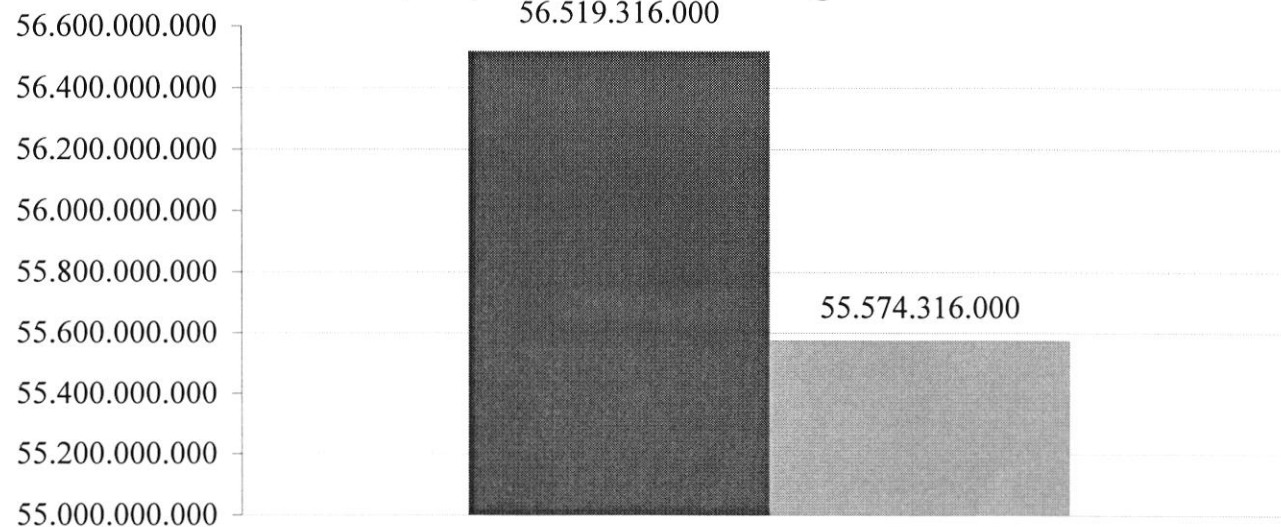
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)
1	Chuẩn bị hồ sơ									
1.1	Tờ khai cấp phiếu LLTP		1.0	23.011		200.000	1	189.000	223.011	42.149.079.000
1.2	Bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ: CMND, HK		1.0	23.011		2.000	1	189.000	25.011	4.727.079.000
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23.011			1	189.000	23.011	4.349.079.000
		Bru điện	0.0				1		0	0
		Internet	0.0				1		0	0
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác						1		0	0

3.1	Phí		0.0	0		0	1	0	0	0
3.2	Lệ phí		0.0	0			1		0	0
3.3	Chi phí khác						1		0	0
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)									
		Hoạt động 1	0.0	0			0		0	0
		Hoạt động 2	0.0				0		0	0
5	Công việc khác (nếu có)		0.0				0		0	0
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23.011			1	189.000	23.011	4.349.079.000
		Bưu điện	0.0				1		0	0
		Internet	0.0				1		0	0
		Khác	0.0				1		0	0
		TỔNG			0	202.000			294.044	55.574.316.000

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỊCH: Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TỊCH HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TỊCH	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TỊCH (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TỊCH/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1,1	Tờ khai đăng ký khai sinh; Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con		1,0	23.011	1.000		1	30	24.011	720.330	
1.2	Bản chính Giấy chứng sinh. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng hoặc giấy cam đoan về việc sinh		1,0	23.011	0		1	30		0	

1,3	Giấy tờ, đồ vật hoặc chứng cứ khác chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con: - Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, mẹ con. - Trường hợp không có văn bản trên thì phải có thư từ, phim ảnh, băng đĩa, đồ dùng, vật dụng khác chứng minh mối quan hệ cha con, mẹ con và văn bản cam đoan của cha, mẹ về việc trẻ em là con chung, có ít nhất 02 người thân thích của cha, mẹ làm chứng	Đi giám định Hoặc cung cấp phim ảnh, băng đĩa, đồ dùng, vật dụng khác và viết giấy cam đoan	3,0	23.011	220.000	1	30	289.033	8.670.990
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1,0	23.011		1	30	23.011	690.330
		Bưu điện							
		Internet						0	0
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								
3.1	Phí								
3.2	Lệ phí								
3.3	Chi phí khác								
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								
		Hoạt động 1							

		Hoạt động n								
5	Công việc khác (nếu có)									
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1,0	23.011			1	30	23.011	690.330
		Bưu điện								
		Internet							0	0
		Khác								
	TỔNG				221.000	0			359.066	10.771.980

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

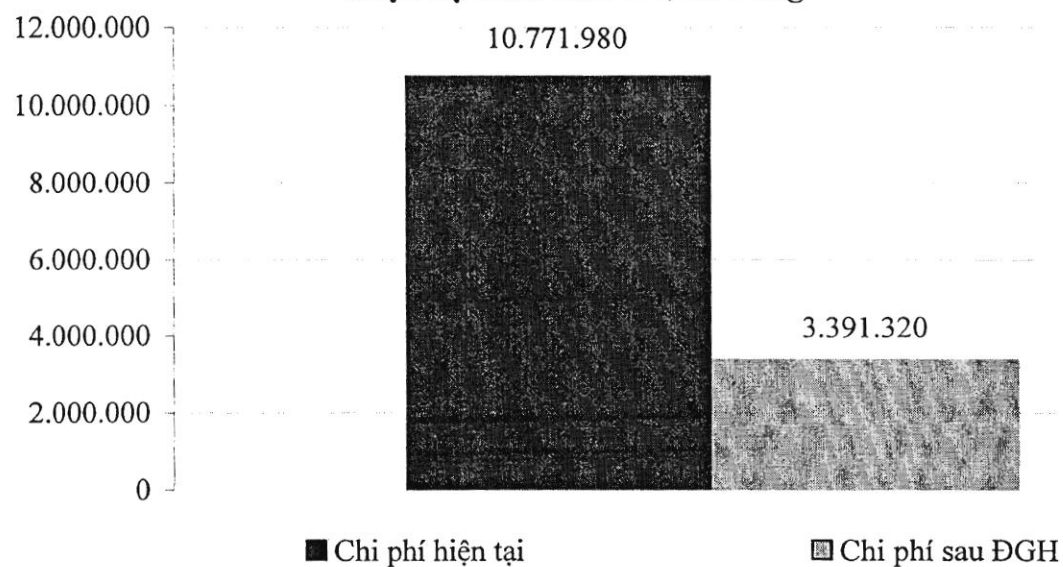
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1,1	Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con		1,0	23.011	1.000		1	30	24.011	720.330	
1.2	Bản chính Giấy chứng sinh. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng hoặc giấy cam đoan về việc sinh		1,0	23.011	0		1	30		0	

1,2	Giấy tờ, đồ vật hoặc chứng cứ khác chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con: - Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, mẹ con. - Trường hợp không có văn bản trên thì phải có văn bản cam đoan của cha, mẹ về việc trẻ em là con chung, có ít nhất 02 người thân thích của cha, mẹ làm chứng	Đi giám định Hoặc viết giấy cam đoan	1,0	23.011	20.000		1	30	43.011	1.290.330	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1,0	23.011			1	30	23.011	690.330	
		Bưu điện									
		Internet							0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Hoạt động 1									
		Hoạt động n									
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1,0	23.011			1	30	23.011	690.330	
		Bưu điện									

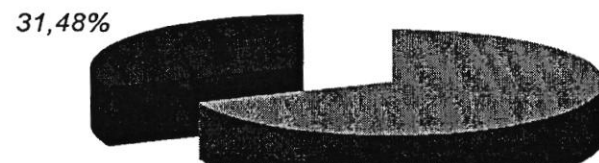
	Internet								0	0
	Khác									
	TỔNG			21.000	0				113.044	3.391.320

III. SO SÁNH CHI PHÍ

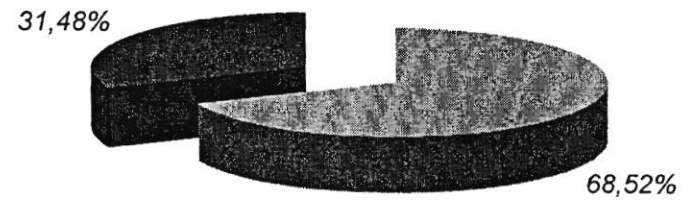
Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



* Ghi chú: Số liệu trong Bảng tính chỉ mang tính chất minh họa.